



Hình - Gợi
Bà Khúc - Minh - Thư

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV#:

VEWL#:

I-171# Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NHÂN VĂN LƯƠNG
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)
- Current Address: 212/47/16 ĐƯỜNG NGUYỄN THIỆN THUẬT phường 3 Quận 3 Hồ Chí Minh
Date of Birth: JUNE 27th 1942 Place of Birth: TRAVINH (CẦN LÔNG) CITY.
Thang - Ngay - Nam
- Previous Occupation (before 1975) VN NAVY. Serial Number 62A700440. 4th COASTAL,
(Rank & Position) HEAD QUATER PHÚ QUỐC
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From DECEMBER 10th 1984 To JUNE 10th 1991
(Thang - Ngay - Nam) Years: Months: Days:
3. SPONSOR'S NAME: _____
(Neu co) Name _____
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NHÂN VĂN LƯƠNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1/ TUYẾT - THỊ - NGUYỄN	1944 Saigon	WIFE
2/ PHONG - THẾ - LƯƠNG	1976 Saigon	SON
3/ PHÚ - THỊ - LƯƠNG	1979 Saigon	SON
4/ VY - KIM - LƯƠNG	1982 Saigon	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION

Nhân Văn Lương
Nhân Văn Lương



Hình - Gởi
Bà Khúc - Minh - Thư

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 7

EE#:

VEVL#:

I-171# Y NO

EXIT VISA#:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NHÂN VĂN LƯƠNG
(Ten Tu Nhan) Last (Ho) Middle First (Ten)

Current Address: 212/47/16 Đường Nguyễn Thiện Thuật phường 3 Quận 3 Hồ Chí Minh City

Date of Birth: JUNE 27th 1942 Place of Birth: TRAVINH (CỦA LONG)
Thang - Ngay - Nam

Previous Occupation (before 1975) VN NAVY. Serial Number 62A700440. 4th ECOSTAL, HEAD QUARTER PHUQUOC
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From DECEMBER 10th 1980 To JUNE 10th 1991
(Thang - Ngay - Nam) Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
(Nếu có) Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on IRE Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NHÂN VĂN LƯƠNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1/ TUYẾT - THỊ - NGUYỄN	1944 Saigon	WIFE
2/ PHONG - THẾ - LƯƠNG	1976 Saigon	Son
3/ PHÚ - THỊ - LƯƠNG	1979 Saigon	Son
4/ VY - KIM - LƯƠNG	1982 Saigon	DAUGHTER

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

ADDITIONAL

Nhân Văn Lương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY QUÂN MINH NHÂN DÂN

Số 020481890

Họ tên NGUYỄN THỊ TUYẾT

Sinh ngày 14-08-1944

Nguyên quán Tư Cang, Hà-
Nam Ninh.

Nơi thường trú 212/17/16 Ngõ
Thiện Thuật, Phường 6, Quận
Chí Minh.



Dân tộc: **Kinh** ... Tôn giáo: **Không** ...

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Số cong 0,6cm, c2,5cm
dưới sau mép phải

Ngày 2 tháng 11 năm 1978

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Diễm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY QUÂN MINH NHÂN DÂN

Số: C 20481887

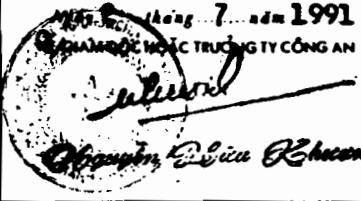
Họ tên **LƯƠNG VĂN NHÂN**



Sinh ngày **27-06-1942**

Nguyên quán **Cửa Long.**

Nơi thường trú **212/47/16 Nguyễn-
Thiện Thuật, P.3, Q.3, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Sọ tròn 0,5cm C, 3cm dưới trước dưới mắt phải	
		Ngày... tháng... 7... năm 1991 CHẠM DẤU HỌ TÊN TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: C 20481887

Họ tên **LƯƠNG VĂN NHÂN**



Sinh ngày **27-06-1942**

Nguyên quán **Cầu Long.**

Nơi thường trú **212/47/16 Nguyễn-
Thiện Thuật, P.3, Q.3, TP. Hồ Chí Minh**

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI
	NGÓN TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
Sọ tròn 0,5cm C, 3cm dưới trước đuôi mắt phải.	
Ngày tháng 7 năm 1991 CHÁNH TRƯỞNG TỶ CÔNG AN  <i>Nguyễn Văn Hùng</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 0204.81890

Họ tên **NGUYỄN THỊ TUYẾT**



Sinh ngày **14-08-1944**

Nguyên quán **Tư Càng, Hà-**
Nam Ninh.

Nơi thường trú **212/17/16 Ng-**

Thiện Thuật, T.Đ. ở Chi
Minh

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Số cong 0,6cm, c2,5cm dưới sau mép phải	
NGON TRỎ TRÁI		Ngày 23 tháng 11 năm 1978 PHÒNG QUẢN ĐỐC  Kính thưa Đồng	
NGON TRỎ PHẢI			

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật	
	NGÓN TRỎ TRÁI
	NGÓN TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
Sọ tròn 0,5cm C, 3cm dưới trước đuôi mắt phải.	
Ngày tháng 7 năm 1991 CHÁNH TRƯỞNG TỶ CÔNG AN  <i>Nguyễn Văn Khoa</i>	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 0204.81890

Họ tên **NGUYỄN THỊ TUYẾT**



Sinh ngày **14-08-1944**

Nguyên quán **Tư Càng, Hà-**
Nam Ninh.

Nơi thường trú **212/17/16 Ngõ**

Thiện Thuật, Phường 6, Quận
Thị trấn Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Số cong 0,6cm, c2,5cm dưới sau mép phải	
NGON TRỎ TRÁI		Ngày 23 tháng 11 năm 1978 PHÒNG QUẢN ĐỐC  Kính thưa Đồng	
NGON TRỎ PHẢI			

Tỉnh, Thành phố Hải Phòng
Huyện, Quận Ba
Xã, Phường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT6
Quyển số 01
Số 124

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ Nguyễn Thị Tuyết

Họ tên chồng Lương Tấn Nhân

Sinh ngày 14 - 02 - 1974

Sinh ngày 27 - 06 - 1972

Quê quán Hải Nam Ninh

Quê quán Quảng Ninh

Nơi thường trú 21/47/16 Nguyễn Huệ
F303 - P. Hải Phòng

Nơi thường trú 21/47/16 Nguyễn Huệ
F303 - P. Hải Phòng

Nghề nghiệp Đầu bếp

Nghề nghiệp Quản lý

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Dân tộc Kinh Quốc tịch Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu 020481570

Số CMND hoặc Hộ chiếu 020481887

Ngày 10 tháng 07 năm 1998

Chữ ký người vợ

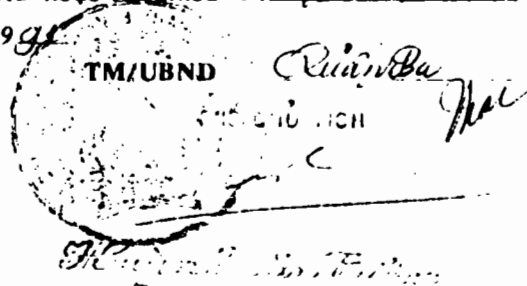
Chữ ký người chồng

TM/UBND

Quản lý

Tuyết

Nhân





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố Hà Nội
Huyện, Quận Ba
Xã, Phường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HT8
Quyển số 01
Số 124

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ tên vợ

Nguyễn Thị Tuyết

Họ tên chồng

Lương Tấn Nhân

Sinh ngày

14 - 02 - 1944

Sinh ngày

27 - 06 - 1942

Quê quán

Hà Nam Ninh

Quê quán

Quảng Long

Nơi thường trú

212/47/16 Nguyễn Huệ

Nơi thường trú

212/47/16 Nguyễn Huệ

Nghề nghiệp

Quản lý

Nghề nghiệp

Quản lý

Dân tộc

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Dân tộc

Kinh

Quốc tịch

Việt Nam

Số CMND hoặc Hộ chiếu

020481890

Số CMND hoặc Hộ chiếu

020481887

Ngày 10 tháng 07 năm 1991

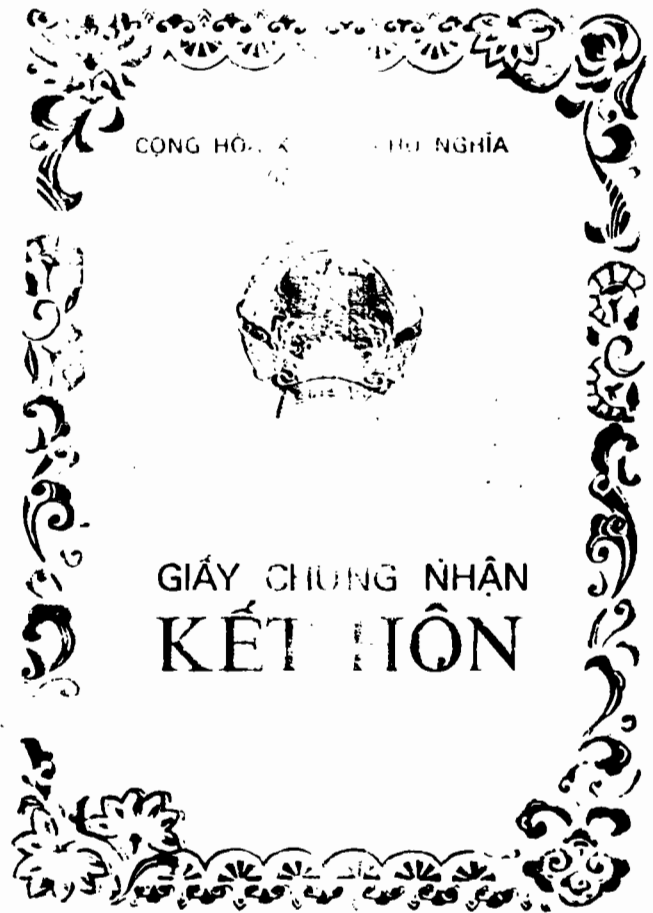
Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

TM/UBND

Quản lý

CHỖ CHỮ KÝ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY BAN NHÂN-DÂN C.M.

Quận BA

Phường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Lập ngày 25 tháng 11 năm 1976

Số hiệu

Nam 4728

1976



Họ tên	LUONG THE PHONG
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	22 tháng 11 năm 1976
Nơi sanh	Saigon- 437 Hai bà Trưng
Họ tên, quốc tịch cha	LUONG VĂN NHÂN
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN THỊ TUYẾT
Cha mẹ có hôn thú không	//

SAO LỤC

Thành phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 27 tháng 11 năm 1976

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

CB trực ủy quyền



THÀNH PHỐ HỒ-CHÍ-MINH

ỦY-BAN NHÂN-DÂN C.M.

Quận BA

Phường (Xã)

BẢN-SAO KHAI-SANH

Lập ngày 25 tháng 11 năm 1976

Số hiệu

Năm 4728

1976



Họ tên	LUONG THẾ PHONG
Trai hay gái	Trai
Ngày, tháng, năm sanh	22 tháng 11 năm 1976
Nơi sanh	Saigon- 437 Hai bà Trưng
Họ tên, quốc tịch cha	LUONG VĂN NHÂN
Họ tên, quốc tịch mẹ	NGUYỄN THỊ TUYẾT
Cha mẹ có hôn thú không	//

SAO LƯC
Thành-phố HỒ-CHÍ-MINH, ngày 27 tháng 11 năm 1976

ỦY-VIÊN HỒ-TỊCH

CB được ủy quyền

(Signature)

BỘ NỘI VỤ
Xuân lộc

Trại

Số 74 GRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	3	3	8	9	0	0	7	9	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 373.. ngày 25 tháng 08 năm 1986

của Tổng cục nhận đến TP/Hồ chí Minh

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lương Văn Nhân Sinh năm 19 42

Các tên gọi khác

Nơi sinh Tr. Vinh.

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt 212/47/16 Nguyễn thiện thuật.

F3. Quận 3. TP/Hồ chí Minh

Can tội 1m mưu lật đổ chính quyền

Bị bắt ngày 10-12-1984 An phạt 07 năm

Theo quyết định, án văn số / ngày tháng năm của

Đã bị tống án lần, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án I lần, cộng thành năm 06 tháng

Nay về cư trú tại 212/47/16 Nguyễn thiện thuật. F3 Quận 3. TP/Hồ chí Minh

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Luôn an tâm tin vào sự khoan hồng của Nhà

Lao động: Tích cực hoàn thành mọi công việc được giao

Nội quy: Không có sai phạm gì.

(3 năm mất quyền công dân) năm quản chế.)

Đương sự phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Trước ngày 15 tháng 6 năm 19 91

Lưu tay ngón trở phải

Của

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày 10 tháng 6 năm 19 91

Glám thị

Công An TP 3 Q 3

Trình trình

lúc 3 h 20' $\frac{12}{6}$ 91

TP. HỒ CHÍ MINH, ngày 12 tháng 6 năm 91

CÔNG AN PHƯƠNG 3 Q 3

TRƯỞNG CÔNG AN



Trưởng Công An

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2563 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Trại **Xuân Lộc**

Số **74** **GRI**

0	0	3	3	8	9	0	0	7	9	I
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số **373..** ngày **25** tháng **08** năm **1988**

của **Toà án nhân dân TP/Hồ chí Minh**

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh **Lương Văn Nhân** Sinh năm 19 **42**

Các tên gọi khác

Nơi sinh **Trà Vinh.**

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt **212/47/16 Nguyễn thiện thuật.**
F3. Quận 3. TP/Hồ chí Minh

Cán tội **âm mưu lật đổ chính quyền**

Bị bắt ngày **10-12-1984** Án phạt **07 năm**

Theo quyết định, án văn số **/** ngày **tháng** năm **của**

Đã bị tống án **lần**, cộng thành **năm** tháng

Đã được giảm án **I** lần, cộng thành **năm** **06** tháng

Nay về cư trú tại **212/47/16 Nguyễn thiện thuật. F3 Quận 3. TP/Hồ chí Minh.**

Nhận xét quá trình cải tạo

Tư tưởng: Luôn an tâm tin vào sự khoan hồng của QĐ

Lao động: Tích cực hoàn thành mọi công việc được giao

Nội quy: Không có sai phạm gì.

(3 năm mất quyền công dân 3 năm quản chế.)

Đương cấp phải trình đi.. tại UBND Phường, xã:

Trước ngày **15** tháng **6** năm 19 **91**

Lưu tay ngạn trở phải

Cán

Danh bìn số

Lập tại

Họ tên, chữ ký
người được cấp giấy

Ngày **10** tháng **6** năm 19 **91**

77 Giám thị

Công An T3 Q3 N.

thỉnh mời

lúc 9 h 20' 12/6/91

12 6 91

CHỦ CHỖ

Y

Y

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Con trai nay là:
Giảng Tài/Không Mai
Sinh năm 1952
Ngày 05.11.1988
Đã kết hôn.

[Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 306739 CN

Họ và tên chủ hộ: Lương, B. Hưng, Minh

Ap, ngõ, số nhà: 212/47/16

Thị trấn, đường phố: Nguyễn Huệ, Quận 1

Xã, phường: Ba

Huyện, quận: Ba

Ngày 10 tháng 03 năm 1988

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

[Signature]

Số NK 3

NGUYỄN VĂN AN

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

①

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên căn hộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Hương Nhung Minh	con	Nam	1944	020481820		01-01-1976	Chết 12/12/82	
2	Trần Thị Chung	vợ	Nữ	1942	020481888	Hội trợ	01-10-1976	Chết 25.3.1987.	
3	Hương Văn Nhân	con	Nam	1942	020481887	Đã hợp	01-10-1976	Chết 12.11.85.	
4	Hương Thị Hồng Mai	con	Nữ	1952	020481889	Hội trợ	01-10-1976		
5	Hương Thị Tuyết Mai	con	Nữ	1956	020483188	Giáo viên	01-10-1976		
6	Trần Trung Thuận	con	Nam	1966	022150283	Học sinh	01-10-1976	Học năm 8-1-85	XN 12.2
7	Trần Minh Tân	con	Nam	1970	022150284	Học sinh	01-10-1976	NKOS 07/3/91	(01-15)
8	Nguyễn Thị Xuân	con	Nữ	1944	020481890	Buôn bán	01-10-1976		
9	Huỳnh Lương Mai Linh	con	Nữ	1976	022150289	Học sinh	25-10-1976		
10	Lương Thị Nhung	con	Nam	1976	022150285	Học sinh	20-11-1976		
11	Lương Thị Phức	con	Nam	1979			2-11-1979		
12	Lương Kim Vỹ	con	Nữ	1982			04-6-1982		
13	Lương Thị Hoàng	con	Nam	1984	022150292		10-10-83		
14	Trần Trung Thuận	con	Nam	1966	022150283		21-6-88		
15	Lương Văn Nhân	con	Nam	1942	020481887		21-6-91		



Trần Văn Nhân
02/5/15

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Chứng nhận đã chuyển đến ở :

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Chú tôi nay là:
Giống tôi/Không Mai
Sinh năm 1952
ngày 05.11.1988
Được ở ở.

[Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 306739 CN

Họ và tên chủ hộ: ... Lương ... Phong ... Minh ...

Ấp, ngõ, số nhà: ... 210/47/16 ...

Thị trấn, đường phố: ... Nguyễn ... Huệ ... Cát ...

Xã, phường: ... Bà ...

Huyện, quận: ... Bà ...

Ngày 10 tháng 03 năm 1988

Trưởng công an:

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



[Signature]

NHỮNG NGƯỜI THƯƠNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Trung Minh	con	Nam	1944	020481820		01-04-1976	Chết do 1/12-8	
2	Trần Thị Chung	vợ	Nữ	1942	020481888	Hội trợ	01-10-1976	Chết 25.3.1987	
3	Nguyễn Văn Văn	con	Nam	1942	020481887	Góp hợp	01-10-1976	Chết 18.11.85	
4	Nguyễn Thị Hồng Mai	con	Nữ	1952	020481889	Hội trợ	01-10-1976		
5	Nguyễn Thị Nguyệt Mai	con	Nữ	1956	020453788	Giáo viên	01-10-1976		
6	Trần Trung Thuận	con	Nam	1966	022150043	Học sinh	01-10-1976	Học năm 8-9-85	XN 12K
7	Trần Minh Tân	con	Nam	1970	022770288	Học sinh	01-10-1976	NKOS 07/3/91	(01-15)
8	Nguyễn Thị Xuân	con	Nữ	1944	020481890	Buôn bán	01-10-1976		
9	Nguyễn Văn Hải Anh	con	Nữ	1976	022971089	Học sinh	25-10-1976		
10	Nguyễn Thị Nhung	con	Nam	1976	022971025	Học sinh	30-11-1976		
11	Nguyễn Thị Phức	con	Nam	1979			2.11.1979		
12	Nguyễn Văn Vỹ	con	Nữ	1992			04-6-1992		
13	Nguyễn Thị Hoàng	con	Nam	1984	022150292		10-10-83		
14	Trần Trung Thuận	con	Nam	1966	022150203		3.1-6-88		
15	Nguyễn Văn Nhàn	con	Nam	1942	020481888		2.1-6-91		



VIỆT-NAM CỘNG-HOA
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ Vinhbinh

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BAN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Long-duc (Travinh)

(NAM-PHẦN)
(SUD-VIETNAM)

NĂM 1942
(Année)

SỐ HIỆU 454
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Long-văn-Nhân.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Garçon.
Sinh ngày m. n. (Date de naissance)	27 Juin 1942
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Mairie de Travinh
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Long-phong-Minh.
Chức làm nghề gì (Sa profession)	Clerc d'Avocat
Nơi ở của cha (Son domicile)	Long-duc
Tên họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Vũ-thị-Chung
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nơi ở của mẹ (Son domicile)	Long-duc
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang - sa femme ou sa 2e)	Femme de 1er rang

Chúng tôi, Long-văn-Nhân.
(Nous)

Chánh-án Toà Vinhbinh
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phan-văn-Tiến
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà án số tại
(Greffier en chef dudit tribunal)

Vinhbinh, ngày 24-4-1945

CHANH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Tên y hôn chánh,
(Son extrait matrimonial),

Vinhbinh ngày 24-4-1945

CHANH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),

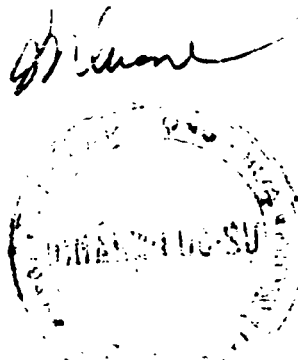
Giá tiền: 5000

(Coût)

Biên-lai số:

(Quittance No)

3974/86



NĂM 1942
(Année)

SỐ HIỆU 454
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Lơng-văn-Nhân.
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Garçon.
Sinh ngày nào (Date de naissance)	27 Juin 1942
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Maternité de Travinh
Tên họ cha (Nom et prénom du père)	Lơng-phong-Minh.
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Clerc d'Avocat
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-dức
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nữ-thị-Chung
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-dức
Vợ chánh hay vợ thứ (Son rang ou femme mariée)	Femme de 1er rang

Chúng tôi, Lơng-văn-Nhân.
(Nous)

Chánh-án Toà Vinhbinh
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông - Pham-van-Tieng
(M.)

Chánh-Lục-sự Toà-an số tại.
(Greffier en chef du dit tribunal)

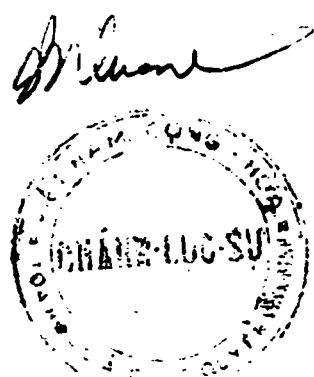
Vinhbinh, ngày 24-4-1945

CHANH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh.
(Prior extrait conforme),

Vinhbinh ngày 24-4-1945

CHANH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF),



Giá tiền: 5000
(Coût)
Biên-lai số: 3974/80
(Quittance No)



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, phường.....
Huyện, Quận.....
Tỉnh, Thành phố.....**SAIGON**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu TP/HIT 3
Số.....**5628**.....
Quyền số.....



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN THỊ TUYẾT Nam hay nữ Nữ
Ngày, tháng, năm sinh Ngày mười bốn tháng tám, năm một chín
bốn bốn (14.8.1944)
Nơi sinh Saigon, 431 đường Paul Blanchy
Dân tộc _____ Quốc tịch _____

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>Nguyễn thị Chi</u>	<u>Nguyễn văn Mả</u>
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	<u>không nghề</u>	<u>thợ may</u>
Nơi thường trú	<u>/</u>	<u>/</u>

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Lương Kim Vi khai, 33 tuổi

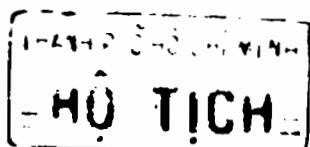
Đăng ký ngày 16 tháng 8 năm 1944
T/M ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 6 năm 1991

TÀI LƯƠNG



NGUYỄN KIM THẢO

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HIT 3

Xã, phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số.....5628.....

Huyện, Quận.....

Quyền số.....

Tỉnh, Thành phố.....SAIGON.



GIẤY KHAI SINH
(BẢN SAO)

Họ và tên.....NGUYỄN THỊ TUYẾT..... Nam hay nữ.....Nữ

Ngày, tháng, năm sinh.....Ngày mười bốn tháng tám, năm một chín
bốn bốn (14.8.1944)

Nơi sinh.....Saigon, 431 đường Paul Blanchy

Dân tộc.....Quốc tịch.....

5/89 QĐ 241/QĐ - LIT

Phần khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	Nguyễn thị Chi	Nguyễn văn Mả
Tuổi		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nghề nghiệp	không nghề	thợ may
Nơi thường trú	/	/

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

Lương Kim Vi khai, 33 tuổi

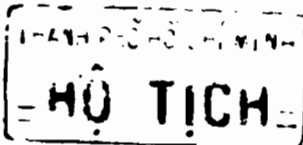
Đăng ký ngày 16 tháng 8 năm 1944
TAM ỦY BAN NHÂN DÂN

Người đứng khai

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 6 năm 1991

TAM ỦY BAN NHÂN DÂN



Đã được đăng ký

họ và tên không

ĐANG KIM THẢO

Mánu HT2/P3

Thành phố, tỉnh: Hồ Chí Minh

GIẤY KHAI SINH

Quyền số 01

[illegible]

Họ và tên	Lương Kim Xy		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	21-05-1982 (ngày H. M. 21. m. 1. Thìn năm m. Thìn m. Thìn)			
Nơi sinh	437 Hẻm 3 Trưng Vương Quận 3 TP Hồ Chí Minh Nhà bà Sarah Lương Kim Xy			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lương Văn Nhân 40 Tuổi. Sinh 27-6-42		Nguyễn Thị Tuyết 38 Tuổi. Sinh 19-4-4	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Giáo sư dạy		Giáo sư dạy	
Nơi ĐKNK thường trú	212/47/15 Nguyễn Thị Trưng Vương Quận 3			
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lương Văn Nhân 40 tuổi ở 212/47/15 Nguyễn Thị Trưng Vương Quận 3 Nguyễn Thị Tuyết 38 tuổi ở 212/47/15 Nguyễn Thị Trưng Vương Quận 3 020481887			



Đăng ký ngày 25 tháng 05 năm 1984

TMA/BN

Ký tên, đóng dấu
(c.vụ)



2. *Shore*

M4n HT2/P3

Thành phố, tỉnh: Hà Nội, Miền Bắc

GIẤY KHAI SINH

Quyền số 07.....

[illegible]

Họ và tên	Lương Kim Vy	Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	21-05-1982 (ngày H. M. 21 - mốt Thùng Năm niên Thìn mười Hai)		
Nơi sinh	437 Hai Bà Trưng Quận 3 TP Hồ Chí Minh Nhà của anh Hoàng Kim Vi		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lương Văn Nhân 40 Tuổi - Sinh 27-6-42	Nguyễn Thị Tuyết 38 tuổi sinh 1944	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Sửa xe đạp	Buôn bán	
Nơi ĐKNK thường trú	212/47/15 Nguyễn Huệ TP HCM Quận 3		
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lương Văn Nhân 40 tuổi ở n 212/47/15 Nguyễn Thị Tuyết, phường 3, Quận 3 Trụ sở cũ Minh CMND số 020481887		



Đăng ký ngày 25 tháng 05 năm 1984

TM/®ND

Ký tên, đóng dấu
(vị trí)



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, thị trấn: Phường 4
Thị xã, quận: Ba
Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu HT2, P3

GIẤY KHAI SINH

Số 103
Quyển số 07

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và tên	<u>Liông Thị Phú</u>		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	<u>Ngày mười chín, tháng mười, năm một nghìn bảy trăm chín mươi chín (19. 10. 1979) Lúc 6 giờ 20</u>		
Nơi sinh	<u>282 Công Lộ</u>		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Liông Văn Nhân</u> <u>1942</u>	<u>Nguyễn Thị Tuyết</u> <u>1944</u>	
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	<u>Kinh</u> <u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp Nơi ĐKNK thường trú	<u>Cửa xe</u> <u>212/47/15 Nguyễn Huệ</u> <u>Huế</u>	<u>Đầu bàn</u> <u>212/47/16 Nguyễn Huệ</u> <u>Huế</u>	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Liông Văn Nhân</u>		



Đăng ký ngày 29 tháng 10 năm 1979
TM/UBND Quản Ba ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Khải Thị Nguyệt

Thành phố, Tỉnh: Hồ Chí Minh

Màu HT2, P3

Số 103
Quyển số 87

[illegible]

Họ và tên	Lương Thị Phú		Nam, nữ <u>Nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Ngày mười chín, tháng mười, năm một nghìn bảy trăm chín mươi chín (19.10.1979) Lũe 6 giờ 20.		
Nơi sinh	282 Công Laijah		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lương Văn Nhân 1942	Nguyễn Thị Tuyết 1944	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Cửa xe	Đúc bàn	
Nơi ĐKNK thường trú	212/47/15 Nguyễn Thiện Thuyết	212/47/15 Nguyễn Thiện Thuyết	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lương Văn Nhân		



Đang ký ngày 29 tháng 10 năm 1979
TM/UBND Quảng Ba ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



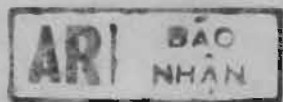
Thư thi Nguyệt

FROM: Lương - Văn - NHÂN
212/47/16 Phường 3 Quận 3
Hồ-Chí-Minh City



6.3.92

g2g = 63200



To

Hình - Gôn

Bà Khắc-Minh-Thư

P.O. BOX 5435 ARLINGTON.

VA 22205-0635

TELEPHONE: 703-560-0058

U.S.A.